

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:171/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 31-5-2018

V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Văn Cầu

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Thơ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hồng Em - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 397/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2017 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 62/2017/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Kim T, sinh năm 1986 (có mặt)

Nơi cư trú: Số 47/29, khu vực Thới H C, phường L, quận Ô, Tp.C

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thái Th, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Số 438, tổ 1, ấp Bình A, xã An H, huyện C, tỉnh A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 13/11/2017 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Võ Thị Kim T trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Thái Th kết hôn vào năm 2014, hôn nhân tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An H, huyện C, tỉnh A ngày 19 tháng 02 năm 2016. Vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc đến khi bà sinh con được 01 tháng thì ông Th bỏ nhà đi. Bà nhiều lần liên lạc với ông Th, để hàn gắn tình cảm vợ chồng cùng nhau lo cho

con. Nhưng ông Th vẫn không quan tâm, vợ chồng bắt đầu cự cãi nhau không hạnh phúc. Đến tháng 7 năm 2016 vợ chồng ly thân nhau cho đến nay; Trong khoảng thời gian ly thân, cả hai không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông Th vì không còn tình cảm.

- Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Nguyễn Thị Kim Th sinh ngày 18/6/2016, do bà trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có

Bị đơn ông Nguyễn Thái Th: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, ông Vũ không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn không tham gia phiên tòa.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

+ Về việc chấp hành pháp luật: trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Kim T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ tranh chấp: Bà Võ Thị Kim T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1.2 Về thẩm quyền giải quyết: Biên bản xác minh về nơi cư trú của đương sự tại Công an xã An H, huyện C, tỉnh A ngày 06 tháng 3 năm 2018, thể hiện bị đơn ông Nguyễn Thái Th có nơi cư trú tại ấp Bình A, xã An H, huyện C, tỉnh A và hiện có mặt tại địa phương. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.3 Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 178, Điều 179 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015. Ông Th không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 72, 96 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Đồng thời, ông Th không có mặt tại

phiên tòa mặc dù Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: Bà Võ Thị Kim T và ông Nguyễn Thái Th kết hôn vào năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An H, huyện C, tỉnh A ngày 19/02/2016. Phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân Gia đình 2014, do đó quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Th là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo đôi chất để xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T với ông Th, mục đích tạo điều kiện cho bà T, ông Th được đoàn tụ. Tuy nhiên, bà T vẫn giữ yêu cầu ly hôn, ông Th không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên đôi chất. Ngoài ra, ông Th không cung cấp tài liệu, chứng cứ cũng không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T. Điều này, đã thể hiện ông Th không có thiện chí muốn đoàn tụ gia đình.

Bà T yêu cầu được giải quyết ly hôn với ông Th, vì cho rằng cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, ông Th không quan tâm chăm sóc vợ con. Thể hiện qua hành động của ông Th đã bỏ nhà đi, trong khi bà vừa sinh cháu Kim Th được 01 tháng. Bà chủ động hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông Th vẫn không quay về còn thách thức bà ly hôn. Vợ chồng ly thân nhau từ tháng 7 năm 2017 cho đến nay. Đồng thời, Tòa án tiến hành xác minh mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T, ông Th tại biên bản xác minh ngày 06 tháng 3 năm 2018 thể hiện: “Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T, ông Th do ông Th thường xuyên uống rượu, cha mẹ hai bên khuyên và hàn gắn tình cảm nhưng bà T cương quyết ly hôn, vợ chồng đã ly thân gần 02 năm”. Giữa bà T, ông Th đã ly thân nhau từ năm 2017 cho đến nay, vợ chồng đã ly thân một thời gian dài và không thể hàn gắn tình cảm, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc yêu thương nhau. Như vậy cả bà T, ông Th đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014. Do đó, yêu cầu của bà T và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

2.2 Về con chung: Bà T và ông Th có 01(một) con chung tên Nguyễn Thị Kim Th sinh ngày 18/6/2016, do bà T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Ông Th không có ý kiến tranh chấp về quyền nuôi con chung. Do đó, yêu cầu của bà T và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định tại Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Đồng thời, bà T phải tạo điều kiện cho ông Th được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung không ai được cản trở. Ông Th không cấp dưỡng nuôi con, do bà T không yêu cầu. Việc nuôi con không cố định

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: không có

[3] Về án phí sơ thẩm:

Bà T là nguyên đơn nên phải chịu án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo:

Bà T và ông Th có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Kim T

+ Về hôn nhân: Bà Võ Thị Kim T được ly hôn với ông Nguyễn Thái Th

+ Về nuôi con chung: Bà Võ Thị Kim T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cháu Nguyễn Thị Kim Th sinh ngày 18 tháng 6 năm 2016.

Ông Nguyễn Thái Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà T không có yêu cầu.

Bà T phải tạo điều kiện cho ông Th được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung không ai được cản trở. Việc nuôi con không cố định.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Võ Thị Kim T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003145 ngày 27/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

3. Quyền kháng cáo: Bà Võ Thị Kim T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Thái Th có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ngô Thùy Trang